

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Phân lũ, chậm lũ và nâng cấp cơ sở hạ tầng “sống chung với lũ”
huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; số 63/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021;

Căn cứ các Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 04/5/2010, số 3478/QĐ-UBND ngày 21/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư, điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình phân lũ, chậm lũ và nâng cấp cơ sở hạ tầng “sống chung với lũ” huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 13/01/2011, số 133/QĐ-UBND ngày 14/01/2011, số 1499/QĐ-UBND ngày 24/4/2015, số 122/QĐ-UBND ngày 12/01/2016, số 4210/QĐ-UBND ngày 26/10/2018, số 3735/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán các hạng mục hoàn thành thuộc dự án phân lũ, chậm lũ và nâng cấp cơ sở hạ tầng “sống chung với lũ” huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán ngày 10/11/2015 của Kiểm toán Nhà nước về việc quản lý, sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 tại tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại các Tờ trình số 7003/TTr-STC ngày 22/11/2024, số 1124/TTr-STC ngày 11/3/2025, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán ngày 18/11/2024 (kèm theo hồ sơ) về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án phân lũ, chậm lũ và nâng cấp cơ sở hạ tầng “sống chung với lũ” huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Tên dự án:** Phân lũ, chậm lũ và nâng cấp cơ sở hạ tầng “sống chung với lũ” huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư:**
- Công trình trên địa bàn huyện Thạch Thành: UBND huyện Thạch Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạch Thành).
 - Công trình trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc: UBND huyện Vĩnh Lộc (công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2015, quyết toán năm 2018).
- Địa điểm xây dựng:**
- Công trình trên địa bàn huyện Thạch Thành: Tại các xã Thạch Định, Thành Hưng, Thành Kim, Thành Tiến, Thành Thọ, Thành Long, Thạch Tân, Thạch Long, Thạch Đồng và thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (nay là các xã: Kim Tân, Ngọc Trạo, Thạch Bình).
 - Công trình trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc: Tại các xã Vĩnh Long, Vĩnh Hưng, Vĩnh Phúc, Vĩnh Thành, Vĩnh Khang và Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc (nay là các xã: Vĩnh Lộc, Tây Đô).
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):** Năm 2008 - 2015.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	875.206.754.000	766.548.832.000
1	Xây dựng, thiết bị, bảo hiểm	714.364.363.000	624.655.500.000
2	Quản lý dự án	9.684.826.000	8.520.175.000
3	Tư vấn	35.788.084.000	31.990.243.000
4	Chi phí khác	11.593.997.000	9.816.668.000
5	Bồi thường GPMB	92.868.869.000	91.566.246.000
6	Dự phòng	10.906.615.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5+7	7=5+6-4
	Tổng số	879.466.000	766.548.832	755.947.003	10.601.867	38
	Vốn đầu tư công	879.466.000	766.548.832	755.947.003	10.601.867	38
-	<i>Nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác</i>	879.466.000	766.548.832	755.947.003	10.601.867	38

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao đơn vị khác quản lý (nếu có)	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
	Tổng số	319.970.314.000		446.578.518.000	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	319.970.314.000		446.578.518.000	
	- Giá trị tài sản cố định đã thực hiện bàn giao (*)	252.344.830.000		410.889.834.000	
	- Tài sản cố định bàn giao đợt này	67.625.484.000		35.688.684.000	
2	Tài sản ngắn hạn				

Ghi chú (*): Giá trị tài sản cố định đã thực hiện bàn giao tại các Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 13/01/2011, số 133/QĐ-UBND ngày 14/01/2011, số 1499/QĐ-UBND ngày 24/4/2015, số 122/QĐ-UBND ngày 12/01/2016, số 4210/QĐ-UBND ngày 26/10/2018, số 3735/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng (nếu có): Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	766.548.832.000	
	Vốn đầu tư công	766.548.832.000	
-	<i>Nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác</i>	766.548.832.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 11/3/2025:

a) Tổng nợ phải thu (đối với các hạng mục đã phê duyệt quyết toán): **38.000 đồng**

Công ty CP xây dựng Tiến Đạt: 38.000 đồng

b) Tổng nợ phải trả: **10.601.867.000 đồng**

* Đối với các hạng mục đã phê duyệt quyết toán:

Công ty CP TV kinh tế kỹ thuật XD Việt Nam: 12.053.000 đồng

Công ty bảo hiểm Bảo Việt Thanh Hóa: 37.600.000 đồng

* Đối với các hạng mục quyết toán lần này: 10.552.214.000 đồng

Công ty CP Đầu tư và phát triển xây dựng Miền Bắc: 10.220.511.000 đồng

Công ty CP TVXD Thủy lợi Thanh Hóa: 37.700.000 đồng

Ban QLDA ĐTXD khu vực Thạch Thành: 294.003.000 đồng

Các khoản phải thu, phải trả được chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính.

1.3. Yêu cầu Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạch Thành rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong quá trình quản lý dự án như đã nêu tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
	Tổng số	766.548.832.000	
1	Giá trị đầu tư đã được phê duyệt quyết toán tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	663.234.664.000	
2	Giá trị quyết toán lần này	103.314.168.000	
	UBND xã Kim Tân (<i>gia cố hoàn chỉnh mặt cơ và mái dè từ K0-K16+580</i>)	67.625.484.000	
	Công ty TNHH một thành viên Sông Chu (<i>Toàn bộ công trình đầu mối trạm bơm, nhà quản lý, cống qua đê và phần điện hạ thế sau tủ điện hạ thế 0,4KV đến trạm bơm của 03 trạm bơm tiêu: Mã Nứa, Đồng Xắc, Tụng Bò</i>)	33.560.528.000	
	Điện lực Thạch Thành (<i>Đường dây 35KV và trạm biến áp của 03 trạm bơm tiêu: Mã Nứa, Đồng Xắc, Tụng Bò</i>)	2.128.156.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Sở Tài chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạch Thành chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán.

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có): Thanh toán công nợ, thu hồi, nộp ngân sách theo chế độ hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạch Thành; Chủ tịch UBND các xã: Kim Tân, Ngọc Trạo, Thạch Bình, Vĩnh Lộc, Tây Đô; Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, Giám đốc Điện lực Thạch Thành và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm